

Nam Định, ngày 25 tháng 12 năm 2024

**BÁO CÁO****Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch tháng 12 năm 2024****A. THÔNG TIN CHUNG:**

- Tên đơn vị cấp nước: Công ty cổ phần nước sạch & VSNT Nam Định
- Địa chỉ: Số 121, Lê Hồng Phong, phường Vị Xuyên, TP. Nam Định
- Công suất thiết kế, tổng số hộ gia đình được cung cấp nước, nguồn nước nguyên liệu:

TT	Tên nhà máy trực thuộc	Nguồn nước	Công suất thiết kế (m <sup>3</sup> /ng.đ)	Tổng dân số được cung cấp nước (người)	Số mẫu nước/đợt/nhà máy	Ghi chú
1	Giao Thủy	Sông Ninh Cơ	22.000	131.210	4 mẫu/đợt	
2	Xuân Trường	Sông Ninh Cơ	13.000	89.236	3 mẫu/đợt	
3	Mỹ Lộc	Sông Hồng	8.000	66.150	3 mẫu/đợt	
4	Nghĩa An	Sông Đào	10.000	56.290	3 mẫu/đợt	
5	Yên Lộc	Sông Đào	13.000	78.925	3 mẫu/đợt	
6	Liên Bảo	Sông Đào	10.800	48.724	3 mẫu/đợt	
7	Yên Quang	Sông Đáy	5.500	22.940	3 mẫu/đợt	
8	Xuân Tân	Sông Hồng	5.500	37.360	3 mẫu/đợt	
9	Nam Dương	Sông Đào	3.500	17.560	3 mẫu/đợt	
10	Đại Thắng	Sông Đào	2.000	9.950	3 mẫu/đợt	
11	Nghĩa Hưng	Sông Đáy	2.600	18.090	3 mẫu/đợt	
12	Quý Nhất	Sông Đáy/ Nước ngầm	4.000	26.304	3 mẫu/đợt	
13	Hải Toàn	Nước ngầm	2.200	12.040	3 mẫu/đợt	
14	Yên Định	Nước ngầm	1.200	6.700	3 mẫu/đợt	

Ghi chú: - Đơn vị cấp nước cho dưới 100.000 dân: lấy ít nhất 03 mẫu nước sạch

- Đơn vị cấp nước cho từ 100.000 dân trở lên: lấy ít nhất 04 mẫu nước sạch

## 4. Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:

Số mẫu	Vị trí lấy mẫu nước
14	Tại bể chứa nước bơm đi tại nhà máy
15	Tại vòi sử dụng trên mạng lưới đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng sử dụng
14	Tại vòi sử dụng cuối mạng lưới đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng sử dụng

**B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC:**

Các nhà máy nước thuộc công ty có đầy đủ hồ sơ theo dõi và quản lý chất lượng nước gồm hồ sơ về sử dụng hóa chất trong quá trình sản xuất nước sạch, sổ theo dõi việc lưu mẫu nước, sổ theo dõi chất lượng nước trong ngày, các phiếu phân tích chất lượng nước...

**C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC**

1. Kết quả xét nghiệm nước thành phẩm trong tháng: Có phiếu kiểm nghiệm nước kèm theo.

2. Kết quả xét nghiệm:

2.1. Mức độ giám sát A (7 chỉ tiêu hóa lý, vi sinh đối với nhà máy khai thác nước mặt và 8 chỉ tiêu đối với nhà máy khai thác nước ngầm):

2.1.1. Tổng số mẫu đạt quy chuẩn: 43 mẫu Tỷ lệ mẫu đạt quy chuẩn: 100%

2.1.2. Tổng số mẫu không đạt quy chuẩn: Không.

Trong đó:

- Số mẫu không đạt về lý, hóa học: 0 mẫu.
- Số mẫu không đạt về vi sinh vật: 0 mẫu.
- Số mẫu không đạt cả về lý, hóa học và vi sinh vật: 0 mẫu.

2.1.3. Các chỉ tiêu không đạt: Không có chỉ tiêu không đạt.

2.2. Mức độ giám sát B (91 chỉ tiêu hóa lý và vi sinh):

2.2.1. Tổng số mẫu đạt quy chuẩn: 43 mẫu Tỷ lệ mẫu đạt quy chuẩn: 100%

2.2.2. Tổng số mẫu không đạt quy chuẩn: Không.

Trong đó:

- Số mẫu không đạt về lý, hóa học: 0 mẫu.
- Số mẫu không đạt về vi sinh vật: 0 mẫu.
- Số mẫu không đạt cả về lý, hóa học và vi sinh vật: 0 mẫu.

2.2.3. Các chỉ tiêu không đạt: Không có chỉ tiêu không đạt.

**D. CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC:** Không.

**Đ. ĐỀ NGHỊ:** Không./.

**Nơi nhận:**

- Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Nam Định (Kèm theo phiếu kết quả phân tích tháng 12/2024);
- Trung tâm y tế dự phòng huyện;
- Phó Giám đốc Phạm Thị Hằng;
- Phòng QLCN;
- Các NMN
- Lưu VP, Nhà thí nghiệm.

**KT. GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**NƯỚC SẠCH VÀ**  
**VỀ SINH VẬT THÔN**  
**TỈNH NAM ĐỊNH**  
**T. NAM ĐỊNH - T. NAM ĐỊNH**  
Phạm Thị Hằng

	<b>CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH &amp; VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH</b>	<b>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</b>
		<b>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</b>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Xuyên, Tp Nam Định, Tỉnh Nam Định	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 01



- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Xuân Trường
- Địa chỉ:** TT. Xuân Trường - Xuân Trường - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**
  - Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
  - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:  
Vũ Văn Đồng - Địa chỉ: Xóm Nam, Xuân Phương, Xuân Trường, Nam Định
  - Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:  
Trần Văn Lộc - Địa chỉ: Xóm 3, Xuân Phương, Xuân Trường, Nam Định
- Ngày lấy mẫu:** 06/12/2024
- Người lấy/gửi mẫu:** Trần Ngọc Hải
- Thời gian thử nghiệm:** 06/12/2024 đến 23/12/2024
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
<b>I Mức độ giám sát A</b>								
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	< 5,0	< 5,0	< 5,0	Đạt
2	Mùi vị*	-	Không có mùi, vị lạ	TCVN 9719:2013	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục*	NTU	2	Máy đo độ đục - Hach	0,36	0,42	0,46	Đạt
4	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	Máy đo clo dư - Hach	0,68	0,40	0,37	Đạt
5	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,66	7,69	7,71	Đạt
<b>II Mức độ giám sát B</b>								
6	Nitrit* (tính theo N)	mg/l	0,05	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
7	Nitrat* (tính theo N)	mg/l	2	TCVN 6180:1996	0,708	0,739	0,747	Đạt
8	Sulfat*	mg/l	250	TCVN 6200:1996	11,484	11,667	11,877	Đạt
9	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	< 0,5	< 0,5	< 0,5	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
10	Độ cứng*	mg/l	300	TCVN 6224:1996	90,0	90,0	91,0	Đạt
11	Cl <sup>-</sup> *	mg/l	250	TCVN 6194:1996	7,655	7,655	8,020	Đạt
12	Fe tổng*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
13	Mn*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
14	Amoni* (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N)	mg/l	0,3	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Fluor* (F)	mg/l	1,5	SMEWW 4500F <sup>-</sup> .D.2017	< 0,2	< 0,2	< 0,2	Đạt
16	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S <sup>2-</sup> .F.2017	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
17	Tổng chất rắn hòa tan* (TDS)	mg/l	1000	TN/HD.PT/01	83,3	84,1	84,9	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 23 tháng 12 năm 2024

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KT. GIÁM ĐỐC

*Trần Thị Thắm*

Trần Thị Thắm



*Phạm Thị Hằng*  
PHÓ GIÁM ĐỐC  
PHẠM THỊ HẰNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu \* là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
5. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
6. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	<b>CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH &amp; VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH</b>	<b>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</b>
		<b>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</b>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Xuyên, Tp Nam Định, Tỉnh Nam Định	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 01



1. Tên khách hàng: Nhà máy nước Xuân Trường
2. Địa chỉ: TT. Xuân Trường - Xuân Trường - Nam Định
3. Loại mẫu: Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
4. Mô tả mẫu:

- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:  
Vũ Văn Đồng - Địa chỉ: Xóm Nam, Xuân Phương, Xuân Trường, Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:  
Trần Văn Lộc - Địa chỉ: Xóm 3, Xuân Phương, Xuân Trường, Nam Định

*Trong đó: Các mẫu đựng trong chai thủy tinh trung tính 250 ml đã được hấp sấy, bảo quản mẫu ở 2° - 8°C.*

5. Ngày lấy mẫu: 06/12/2024
6. Người lấy/gửi mẫu: Trần Ngọc Hải
7. Thời gian thử nghiệm: 06/12/2024 đến 09/12/2024
8. Kết quả thử nghiệm:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 3	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

*Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt*

Nam Định, ngày 23 tháng 12 năm 2024

**KIỂM NGHIỆM VIÊN**

*Trần Thị Thắm*

**Trần Thị Thắm**



**KT. GIÁM ĐỐC**

**PHÓ GIÁM ĐỐC  
PHẠM THỊ HẰNG**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. Dấu \* là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
4. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	<b>CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH &amp; VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH</b>	<b>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</b>
		<b>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</b>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Xuyên, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 02

- Tên khách hàng:** Chi nhánh cấp nước Giao Thủy
- Địa chỉ:** Giao Tiến - Giao Thủy - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**



- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng số 1:  
Vũ Thị Tuyết - Địa chỉ: Xóm 1, Giao Tân, Giao Thủy, Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng số 2:  
Nguyễn Huy Tân - Địa chỉ: Xóm 1, Giao Tân, Giao Thủy, Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:  
Mai Xuân Liệu - Địa chỉ: Xóm 3, Giao Tân, Giao Thủy, Nam Định

Trong đó:

+ Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 1 lít có nắp đậy kín, bảo quản 2<sup>0</sup> - 8<sup>0</sup>C (xét nghiệm lý hóa).

- Ngày lấy mẫu:** 06/12/2024
- Người lấy/gửi mẫu:** Trần Ngọc Hải
- Thời gian thử nghiệm:** 06/12/2024 đến 23/12/2024
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống hộ KHSD số 1	Tại trên mạng đường ống hộ KHSD số 2	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
<b>I Mức độ giám sát A</b>									
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	< 5,0	< 5,0	< 5,0	< 5,0	Đạt
2	Mùi vị*	-	Không có mùi, vị lạ	TCVN 9719:2013	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục*	NTU	2	Máy đo độ đục - Hach	0,49	0,55	0,58	0,61	Đạt
4	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	Máy đo clo dư - Hach	0,58	0,48	0,44	0,41	Đạt
5	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,80	7,85	7,91	7,92	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống hộ KHSD số 1	Tại trên mạng đường ống hộ KHSD số 2	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
<b>II Mức độ giám sát B</b>									
6	Nitrit* (tính theo N)	mg/l	0,05	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
7	Nitrat* (tính theo N)	mg/l	2	TCVN 6180:1996	0,684	0,695	0,699	0,739	Đạt
8	Sulfat*	mg/l	250	TCVN 6200:1996	11,406	11,537	11,615	11,746	Đạt
9	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	0,711	0,711	0,711	0,711	Đạt
10	Độ cứng*	mg/l	300	TCVN 6224:1996	90,0	90,0	90,0	90,0	Đạt
11	Cl <sup>-</sup> *	mg/l	250	TCVN 6194:1996	8,020	8,020	8,020	8,384	Đạt
12	Fe tổng*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	< 0,04	< 0,04	< 0,04	< 0,04	Đạt
13	Mn*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
14	Amoni* (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N)	mg/l	0,3	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Fluor* (F)	mg/l	1,5	SMEWW 4500F <sup>-</sup> .D.2017	< 0,2	< 0,2	< 0,2	< 0,2	Đạt
16	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S <sup>2-</sup> .F.2017	< 0,05	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
17	Tổng chất rắn hòa tan* (TDS)	mg/l	1000	TN/HD.PT/01	83,7	83,9	84,5	84,7	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 23 tháng 12 năm 2024

### QUẢN LÝ KỸ THUẬT

*Trần Thị Thắm*

**Trần Thị Thắm**

### KT. GIÁM ĐỐC



*Phạm Thị Hằng*  
**PHÓ GIÁM ĐỐC  
PHẠM THỊ HẰNG**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu \* là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
5. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
6. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	<b>CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH &amp; VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH</b>	<b>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</b>
		<b>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</b>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Xuyên, Tp Nam Định, Tỉnh Nam Định	
Điện thoại: 02283.528.175		Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 02



- Tên khách hàng:** Chi nhánh cấp nước Giao Thủy
- Địa chỉ:** Giao Tiên - Giao Thủy - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**

- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng số 1:  
Vũ Thị Tuyết - Địa chỉ: Xóm 1, Giao Tân, Giao Thủy, Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng số 2:  
Nguyễn Huy Tân - Địa chỉ: Xóm 1, Giao Tân, Giao Thủy, Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:  
Mai Xuân Liệu - Địa chỉ: Xóm 3, Giao Tân, Giao Thủy, Nam Định

Trong đó: Các mẫu đựng trong chai thủy tinh trung tính 250 ml đã được hấp sấy, bảo quản mẫu ở 2° - 8°C.

- Ngày lấy mẫu:** 06/12/2024
- Người lấy/gửi mẫu:** Trần Ngọc Hải
- Thời gian thử nghiệm:** 06/12/2024 đến 09/12/2024
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống hộ KHSD số 1	Tại trên mạng đường ống hộ KHSD số 2	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 3	TCVN 6187 - 1:2019	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187 - 1:2019	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 23 tháng 12 năm 2024

KIỂM NGHIỆM VIÊN



Trần Thị Thắm



KT. GIÁM ĐỐC

  
PHÓ GIÁM ĐỐC  
PHẠM THỊ HẰNG

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Dấu \* là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.



	<b>CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH &amp; VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH</b>	<b>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</b>
		<b>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</b>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Xuyên, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 03



1. **Tên khách hàng:** Nhà máy nước Xuân Tân
2. **Địa chỉ:** Xuân Tân - Xuân Trường - Nam Định
3. **Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
4. **Mô tả mẫu:**

- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:  
Vũ Mạnh Tiến - Địa chỉ: Xóm 11, Xuân Phú, Xuân Giang, Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:  
Nguyễn Minh Vương - Địa chỉ: Xóm 16, Xuân Phong, Xuân Giang, Nam Định

*Trong đó:*

+ Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 1 lít có nắp đậy kín, bảo quản 2<sup>o</sup> - 8<sup>o</sup>C (xét nghiệm lý hóa).

5. **Ngày lấy mẫu:** 10/12/2024
6. **Người lấy/gửi mẫu:** Vũ Thị Thu Trang
7. **Thời gian thử nghiệm:** 10/12/2024 đến 23/12/2024
8. **Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
<b>I Mức độ giám sát A</b>								
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	Mùi vị*	-	Không có mùi, vị lạ	TCVN 9719:2013	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục*	NTU	2	Máy đo độ đục - Hach	0,28	0,40	0,47	Đạt
4	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	Máy đo clo dư - Hach	0,71	0,58	0,50	Đạt
5	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,50	7,56	7,57	Đạt
<b>II Mức độ giám sát B</b>								
6	Nitrit* (tính theo N)	mg/l	0,05	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
7	Nitrat* (tính theo N)	mg/l	2	TCVN 6180:1996	0,753	0,756	0,780	Đạt
8	Sulfat*	mg/l	250	TCVN 6200:1996	13,289	13,446	13,550	Đạt
9	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	0,711	0,711	0,711	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu (Mức độ giám sát B)	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
10	Độ cứng*	mg/l	300	TCVN 6224:1996	94,0	94,0	94,0	Đạt
11	Cl <sup>-</sup> *	mg/l	250	TCVN 6194:1996	15,675	15,675	16,039	Đạt
12	Fe tổng*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
13	Mn*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
14	Amoni* (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N)	mg/l	0,3	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Fluor* (F)	mg/l	1,5	SMEWW 4500F <sup>-</sup> .D.2017	< 0,2	< 0,2	0,230	Đạt
16	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S <sup>2-</sup> .F.2017	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
17	Tổng chất rắn hòa tan* (TDS)	mg/l	1000	TN/HD.PT/01	120,0	121,0	121,0	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 23 tháng 12 năm 2024

**QUẢN LÝ KỸ THUẬT**

**KT. GIÁM ĐỐC**

*Trần Thị Thẩm*

**Trần Thị Thẩm**



*Phạm Thị Hằng*  
**PHÓ GIÁM ĐỐC  
PHẠM THỊ HẰNG**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu \* là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
5. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
6. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	<b>CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH &amp; VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH</b>	<b>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</b>
		<b>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</b>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Xuyên, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 03



- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Xuân Tân
- Địa chỉ:** Xuân Tân - Xuân Trường - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**

- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:  
Vũ Mạnh Tiến - Địa chỉ: Xóm 11, Xuân Phú, Xuân Giang, Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:  
Nguyễn Minh Vương - Địa chỉ: Xóm 16, Xuân Phong, Xuân Giang, Nam Định

Trong đó: Các mẫu đựng trong chai thủy tinh trung tính 250 ml đã được hấp sấy, bảo quản mẫu ở 2° - 8°C.

- Ngày lấy mẫu:** 10/12/2024
- Người lấy/gửi mẫu:** Vũ Thị Thu Trang
- Thời gian thử nghiệm:** 10/12/2024 đến 12/12/2024

### 8. Kết quả thử nghiệm:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 3	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 23 tháng 12 năm 2024

**KIỂM NGHIỆM VIÊN**

*Trần Thị Thắm*

**Trần Thị Thắm**

**KT. GIÁM ĐỐC**



*Phạm Thị Hằng*  
**PHÓ GIÁM ĐỐC  
PHẠM THỊ HẰNG**

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Dấu \* là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	<b>CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH &amp; VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH</b>	<b>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</b>
		<b>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</b>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Xuyên, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 04



- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Nghĩa An
- Địa chỉ:** Nghĩa An - Nam Trực - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**

- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:  
Nguyễn Xuân Trường - Địa chỉ: Xóm Nam, Nam Hùng, Nam Trực, Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:  
Vũ Văn Kháng - Địa chỉ: Xóm Nam, Nam Hùng, Nam Trực, Nam Định

Trong đó:

+ Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 1 lít có nắp đậy kín, bảo quản 2<sup>0</sup> - 8<sup>0</sup>C (xét nghiệm lý hóa).

- Ngày lấy mẫu:** 05/12/2024
- Người lấy/gửi mẫu:** Trần Ngọc Hải
- Thời gian thử nghiệm:** 05/12/2024 đến 23/12/2024
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
<b>I Mức độ giám sát A</b>								
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	Mùi vị*	-	không có mùi, vị lạ	TCVN 9719:2013	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục*	NTU	2	Máy đo độ đục - Hach	0,25	0,33	0,37	Đạt
4	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	Máy đo clo dư - Hach	0,61	0,34	0,31	Đạt
5	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,61	7,63	7,67	Đạt
<b>II Mức độ giám sát B</b>								
6	Nitrit* (tính theo N)	mg/l	0,05	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
7	Nitrat* (tính theo N)	mg/l	2	TCVN 6180:1996	0,690	0,708	0,737	Đạt
8	Sulfat*	mg/l	250	TCVN 6200:1996	11,171	11,432	11,615	Đạt
9	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	< 0,5	< 0,5	< 0,5	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
10	Độ cứng*	mg/l	300	TCVN 6224:1996	92,0	92,0	92,0	Đạt
11	Cl <sup>-</sup> *	mg/l	250	TCVN 6194:1996	8,020	8,020	8,020	Đạt
12	Fe tổng*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
13	Mn*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
14	Amoni* (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N)	mg/l	0,3	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Fluor* (F)	mg/l	1,5	SMEWW 4500F <sup>-</sup> .D.2017	< 0,2	0,230	0,243	Đạt
16	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S <sup>2-</sup> .F.2017	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
17	Tổng chất rắn hòa tan* (TDS)	mg/l	1000	TN/HD.PT/01	83,0	83,5	83,7	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 23 tháng 12 năm 2024

**QUẢN LÝ KỸ THUẬT**

**KT. GIÁM ĐỐC**


*Bram*

**Trần Thị Thắm**



*[Signature]*  
**PHÓ GIÁM ĐỐC  
PHẠM THỊ HẰNG**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu \* là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
5. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Fluorua: 0,04 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
6. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	<b>CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH &amp; VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH</b>	<b>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</b>
		<b>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</b>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Xuyên, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 04

- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Nghĩa An
- Địa chỉ:** Nghĩa An - Nam Trực - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**
  - Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
  - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:  
Nguyễn Xuân Trường - Địa chỉ: Xóm Nam, Nam Hùng, Nam Trực, Nam Định
  - Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:  
Vũ Văn Kháng - Địa chỉ: Xóm Nam, Nam Hùng, Nam Trực, Nam Định
- Ngày lấy mẫu:** 05/12/2024
- Người lấy/gửi mẫu:** Trần Ngọc Hải
- Thời gian thử nghiệm:** 05/12/2024 đến 10/12/2024
- Kết quả thử nghiệm:**



Trong đó: Các mẫu đựng trong chai thủy tinh trung tính 250 ml đã được hấp sấy, bảo quản mẫu ở 2° - 8°C.

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 3	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 23 tháng 12 năm 2024

**KIỂM NGHIỆM VIÊN**



**Trần Thị Thắm**



**KT. GIÁM ĐỐC**

**PHÓ GIÁM ĐỐC  
PHẠM THỊ HẰNG**

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Dấu \* là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	<b>CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH &amp; VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH</b>	<b>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</b> <b>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</b>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Xuyên, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPnuocsachntnamdinh@gmail.com

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 05

- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Nam Dương
- Địa chỉ:** Nam Dương - Nam Trực - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**



- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:

Nguyễn Văn Thắng - Địa chỉ: Thôn Cổ Lũng, Bình Minh, Nam Trực, Nam Định

- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:

Nguyễn Thị Hương - Địa chỉ: Thôn Rót, Bình Minh, Nam Trực, Nam Định

Trong đó:

- + Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 1 lít có nắp đậy kín, bảo quản 2<sup>0</sup> - 8<sup>0</sup>C (xét nghiệm lý hóa).

- Ngày lấy mẫu:** 09/12/2024
- Người lấy/gửi mẫu:** Trần Thị Thắm
- Thời gian thử nghiệm:** 09/12/2024 đến 23/12/2024
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
<b>I Mức độ giám sát A</b>								
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	Mùi vị*	-	không có mùi, vị lạ	TCVN 9719:2013	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục*	NTU	2	Máy đo độ đục - Hach	0,56	0,61	0,66	Đạt
4	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	Máy đo clo dư - Hach	0,64	0,36	0,31	Đạt
5	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,44	7,49	7,52	Đạt
<b>II Mức độ giám sát B</b>								
6	Nitrit* (tính theo N)	mg/l	0,05	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
7	Nitrat* (tính theo N)	mg/l	2	TCVN 6180:1996	0,696	0,708	0,737	Đạt
8	Sulfat*	mg/l	250	TCVN 6200:1996	9,471	9,706	10,046	Đạt
9	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	0,533	0,533	0,533	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
10	Độ cứng*	mg/l	300	TCVN 6224:1996	88,0	88,0	88,0	Đạt
11	Cl <sup>-</sup> *	mg/l	250	TCVN 6194:1996	8,020	8,020	8,020	Đạt
12	Fe tổng*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
13	Mn*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
14	Amoni* (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N)	mg/l	0,3	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Fluor* (F)	mg/l	1,5	SMEWW 4500F <sup>1</sup> .D.2017	< 0,2	< 0,2	< 0,2	Đạt
16	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S <sup>2</sup> .F.2017	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
17	Tổng chất rắn hòa tan* (TDS)	mg/l	1000	TN/HD.PT/01	82,8	83,0	83,2	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 23 tháng 12 năm 2024

**QUẢN LÝ KỸ THUẬT**

**KT. GIÁM ĐỐC**

*Trần Thị Thắm*


**Trần Thị Thắm**



*Phạm Thị Hằng*  
**PHÓ GIÁM ĐỐC  
PHẠM THỊ HẰNG**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu \* là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
5. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
6. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.



	<b>CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH &amp; VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH</b>	<b>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</b>
		<b>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</b>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Xuyên, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 05

- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Nam Dương
- Địa chỉ:** Nam Dương - Nam Trực - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**
  - Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
  - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:  
Nguyễn Văn Thắng - Địa chỉ: Thôn Cổ Lũng, Bình Minh, Nam Trực, Nam Định
  - Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:  
Nguyễn Thị Hương - Địa chỉ: Thôn Rót, Bình Minh, Nam Trực, Nam Định
- Ngày lấy mẫu:** 09/12/2024
- Người lấy/gửi mẫu:** Trần Thị Thắm
- Thời gian thử nghiệm:** 09/12/2024 đến 11/12/2024
- Kết quả thử nghiệm:**



TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 3	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 23 tháng 12 năm 2024

KIỂM NGHIỆM VIÊN



Trần Thị Thắm



KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC  
**PHẠM THỊ HẰNG**

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Dấu \* là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	<b>CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH &amp; VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH</b>	<b>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</b> <b><u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u></b>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Xuyên, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 06

1. **Tên khách hàng:** Nhà máy nước Nghĩa Hưng
2. **Địa chỉ:** Nghĩa Trung - Nghĩa Hưng - Nam Định
3. **Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
4. **Mô tả mẫu:**



- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
  - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:  
Nguyễn Chí Hương - Địa chỉ: Xóm 6, Nghĩa Trung, Nghĩa Hưng, Nam Định
  - Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:  
Phạm Văn Chiến - Địa chỉ: Tổ dân phố Đoài, TT Liễu Đề, Nghĩa Hưng, Nam Định
- Trong đó:*
- + Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 1 lít có nắp đậy kín, bảo quản 2<sup>0</sup> - 8<sup>0</sup>C (xét nghiệm lý hóa).

5. **Ngày lấy mẫu:** 10/12/2024
6. **Người lấy/gửi mẫu:** Nguyễn Thị Ân
7. **Thời gian thử nghiệm:** 10/12/2024 đến 23/12/2024
8. **Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
<b>I Mức độ giám sát A</b>								
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	Mùi vị*	-	không có mùi, vị lạ	TCVN 9719:2013	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục*	NTU	2	Máy đo độ đục - Hach	0,40	0,57	0,63	Đạt
4	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	Máy đo clo dư - Hach	0,65	0,57	0,53	Đạt
5	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,77	7,78	7,83	Đạt
<b>II Mức độ giám sát B</b>								
6	Nitrit* (tính theo N)	mg/l	0,05	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
7	Nitrat* (tính theo N)	mg/l	2	TCVN 6180:1996	0,777	0,778	0,785	Đạt
8	Sulfat*	mg/l	250	TCVN 6200:1996	12,923	13,027	13,132	Đạt
9	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	1,067	1,067	1,067	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
10	Độ cứng*	mg/l	300	TCVN 6224:1996	100,0	100,0	100,0	Đạt
11	Cl <sup>-</sup>	mg/l	250	TCVN 6194:1996	17,497	17,497	17,862	Đạt
12	Fe tổng*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
13	Mn*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
14	Amoni* (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N)	mg/l	0,3	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Fluor* (F)	mg/l	1,5	SMEWW 4500F <sup>-</sup> .D.2017	< 0,2	< 0,2	< 0,2	Đạt
16	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S <sup>2-</sup> .F.2017	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
17	Tổng chất rắn hòa tan* (TDS)	mg/l	1000	TN/HD.PT/01	95,3	95,7	96,1	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 23 tháng 12 năm 2024

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KT. GIÁM ĐỐC

*Trần Thị Thẩm*

Trần Thị Thẩm



PHÓ GIÁM ĐỐC  
PHẠM THỊ HẰNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu \* là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
5. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Fluorua: 0,04 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
6. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	<b>CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH &amp; VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH</b>	<b>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</b>
		<b>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</b>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Xuyên, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 06

- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Nghĩa Hưng
- Địa chỉ:** Nghĩa Trung - Nghĩa Hưng - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**
  - Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
  - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:  
Nguyễn Chí Hương - Địa chỉ: Xóm 6, Nghĩa Trung, Nghĩa Hưng, Nam Định
  - Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:  
Phạm Văn Chiến - Địa chỉ: Tổ dân phố Đoài, TT Liễu Đề, Nghĩa Hưng, Nam Định
- Ngày lấy mẫu:** 10/12/2024
- Người lấy/gửi mẫu:** Nguyễn Thị Ân
- Thời gian thử nghiệm:** 10/12/2024 đến 12/12/2024
- Kết quả thử nghiệm:**



TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 3	TCVN 6187 - 1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187 - 1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 23 tháng 12 năm 2024

**KIỂM NGHIỆM VIÊN**

**Trần Thị Thắm**



**KT. GIÁM ĐỐC**

**PHÓ GIÁM ĐỐC  
PHẠM THỊ HẰNG**

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Dấu \* là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.



CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VỆ  
SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Xuyên, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định

Điện thoại: 02283.528.175

Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 07

- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Quý Nhất
- Địa chỉ:** TT. Quý Nhất - Nghĩa Hưng - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**



- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:

Trần Thị Thảo - Địa chỉ: Xóm 5, Nam Điền, Nghĩa Hưng, Nam Định

- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:

Trần Thị Tươi - Địa chỉ: Xóm 8, Nam Điền, Nghĩa Hưng, Nam Định

Trong đó:

- + Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 1 lít có nắp đậy kín, bảo quản 2<sup>0</sup> - 8<sup>0</sup>C (xét nghiệm lý hóa).

- Ngày lấy mẫu:** 10/12/2024
- Người lấy/gửi mẫu:** Nguyễn Thị Ân
- Thời gian thử nghiệm:** 10/12/2024 đến 23/12/2024
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
<b>I Mức độ giám sát A</b>								
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	Mùi vị*	-	Không có mùi, vị lạ	TCVN 9719:2013	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục*	NTU	2	Máy đo độ đục - Hach	0,20	0,50	0,62	Đạt
4	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	Máy đo clo dư - Hach	0,81	0,50	0,30	Đạt
5	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,50	7,55	7,60	Đạt
<b>II Mức độ giám sát B</b>								
6	Nitrit* (tính theo N)	mg/l	0,05	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
7	Nitrat* (tính theo N)	mg/l	2	TCVN 6180:1996	0,778	0,782	0,791	Đạt
8	Sulfat*	mg/l	250	TCVN 6200:1996	29,842	29,999	30,025	Đạt
9	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	1,244	1,244	1,244	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
10	Độ cứng*	mg/l	300	TCVN 6224:1996	102,0	102,0	102,0	Đạt
11	Cl <sup>-</sup> *	mg/l	250	TCVN 6194:1996	121,024	121,024	121,024	Đạt
12	Fe tổng*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
13	Mn*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
14	Amoni* (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N)	mg/l	0,3	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Fluor* (F)	mg/l	1,5	SMEWW 4500F <sup>-</sup> .D.2017	< 0,2	< 0,2	< 0,2	Đạt
16	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S <sup>2-</sup> .F.2017	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
17	Tổng chất rắn hòa tan* (TDS)	mg/l	1000	TN/HD.PT/01	240,0	241,0	241,0	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 23 tháng 12 năm 2024

**QUẢN LÝ KỸ THUẬT**

**KT. GIÁM ĐỐC**

*Trần Thị Thắm*

**Trần Thị Thắm**



**PHÓ GIÁM ĐỐC  
PHẠM THỊ HẰNG**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu \* là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
5. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
6. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	<b>CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH &amp; VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH</b>	<b>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</b>
		<b>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</b>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Xuyên, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định	
Điện thoại: 02283.528.175		Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 07

- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Quý Nhất
  - Địa chỉ:** TT. Quý Nhất - Nghĩa Hưng - Nam Định
  - Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
  - Mô tả mẫu:**
    - Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
    - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:  
Trần Thị Thảo - Địa chỉ: Xóm 5, Nam Điền, Nghĩa Hưng, Nam Định
    - Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:  
Trần Thị Tươi - Địa chỉ: Xóm 8, Nam Điền, Nghĩa Hưng, Nam Định
- Trong đó: Các mẫu đựng trong chai thủy tinh trung tính 250 ml đã được hấp sấy, bảo quản mẫu ở 2° - 8°C.*
- Ngày lấy mẫu:** 10/12/2024
  - Người lấy/gửi mẫu:** Nguyễn Thị Ân
  - Thời gian thử nghiệm:** 10/12/2024 đến 12/12/2024
  - Kết quả thử nghiệm:**



TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 3	TCVN 6187 - 1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187 - 1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mũ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 23 tháng 12 năm 2024

KIỂM NGHIỆM VIÊN

Trần Thị Thắm

KT. GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC  
**PHẠM THỊ HẰNG**

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Dấu \* là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	<b>CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH &amp; VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH</b>	<b>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</b>
		<b>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</b>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Xuyên, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định	
Điện thoại: 02283.528.175		Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 08



1. **Tên khách hàng:** Nhà máy nước Yên Định
  2. **Địa chỉ:** TT. Yên Định - Hải Hậu - Nam Định
  3. **Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
  4. **Mô tả mẫu:**
    - Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
    - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:  
Nguyễn Đức Phần - Địa chỉ: Khu 3, TT Yên Định, Hải Hậu, Nam Định
    - Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:  
Lê Quý Nam - Địa chỉ: Khu 4, TT. Yên Định, Hải Hậu, Nam Định
- Trong đó:*
- + Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 1 lít có nắp đậy kín, bảo quản 2<sup>0</sup> - 8<sup>0</sup>C (xét nghiệm lý hóa).
5. **Ngày lấy mẫu:** 09/12/2024
  6. **Người lấy/gửi mẫu:** Nguyễn Thuý Nga
  7. **Thời gian thử nghiệm:** 09/12/2024 đến 23/12/2024
  8. **Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
<b>I Mức độ giám sát A</b>								
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	< 5,0	< 5,0	< 5,0	Đạt
2	Mùi vị*	-	Không có mùi, vị lạ	TCVN 9719:2013	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục*	NTU	2	Máy đo độ đục - Hach	0,19	0,22	0,23	Đạt
4	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	Máy đo clo dư - Hach	0,32	0,24	0,21	Đạt
5	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,62	7,64	7,68	Đạt
6	Asen**	mg/l	0,01	US EPA Method 6020A	KPH	KPH	KPH	Đạt
<b>II Mức độ giám sát B</b>								
7	Nitrit* (tính theo N)	mg/l	0,05	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
8	Nitrat* (tính theo N)	mg/l	2	TCVN 6180:1996	0,685	0,689	0,696	Đạt
9	Sulfat*	mg/l	250	TCVN 6200:1996	13,576	13,786	14,073	Đạt



TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
10	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	0,889	0,889	0,889	Đạt
11	Độ cứng*	mg/l	300	TCVN 6224:1996	111,0	112,0	112,0	Đạt
12	Cl <sup>-</sup> *	mg/l	250	TCVN 6194:1996	14,581	14,581	14,581	Đạt
13	Fe tổng*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
14	Mn*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Amoni* (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N)	mg/l	0,3	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
16	Fluor* (F)	mg/l	1,5	SMEWW 4500F <sup>-</sup> .D.2017	0,296	0,296	0,300	Đạt
17	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S <sup>2-</sup> .F.2017	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
18	Tổng chất rắn hòa tan* (TDS)	mg/l	1000	TN/HD.PT/01	185,0	185,0	186,0	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 23 tháng 12 năm 2024

**QUẢN LÝ KỸ THUẬT**

**KT. GIÁM ĐỐC**


*Trần Thị Thắm*

**Trần Thị Thắm**



*Phạm Thị Hằng*  
**PHÓ GIÁM ĐỐC  
PHẠM THỊ HẰNG**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu " \* " là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
5. Dấu " \*\* " là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 028, do nhà thầu phụ thực hiện; Giới hạn phát hiện của Asen: 0,003 mg/L
6. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
7. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	<b>CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH &amp; VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH</b>	<b>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</b>
		<b>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</b>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Xuyên, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định	
Điện thoại: 02283.528.175		Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 08

- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Yên Định
- Địa chỉ:** TT. Yên Định - Hải Hậu - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**



- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
  - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:  
Nguyễn Đức Phần - Địa chỉ: Khu 3, TT Yên Định, Hải Hậu, Nam Định
  - Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:  
Lê Quý Nam - Địa chỉ: Khu 4, TT. Yên Định, Hải Hậu, Nam Định
- Trong đó: Các mẫu đựng trong chai thủy tinh trung tính 250 ml đã được hấp sấy, bảo quản mẫu ở 2° - 8°C.

- Ngày lấy mẫu:** 09/12/2024
- Người lấy/gửi mẫu:** Nguyễn Thuý Nga
- Thời gian thử nghiệm:** 09/12/2024 đến 11/12/2024
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 3	TCVN 6187 - 1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187 - 1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

KIỂM NGHIỆM VIÊN



Trần Thị Thắm


Nam Định, ngày 23 tháng 12 năm 2024

KT. GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC  
PHẠM THỊ HẰNG

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Dấu \* là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	<b>CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH &amp; VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH</b>	<b>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</b>
		<b>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</b>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Xuyên, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định	
Điện thoại: 02283.528.175		Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 09



- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Hải Toàn
- Địa chỉ:** Hải Toàn - Hải Hậu - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**

- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:  
Đỗ Văn Bồi - Địa chỉ: Xóm 6, Hải An, Hải Hậu, Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:  
Nguyễn Ngọc Ngoan - Địa chỉ: Xóm 9, Hải An, Hải Hậu, Nam Định

Trong đó:

+ Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 1 lít có nắp đậy kín, bảo quản 2<sup>0</sup> - 8<sup>0</sup>C (xét nghiệm lý hóa).

- Ngày lấy mẫu:** 09/12/2024
- Người lấy/gửi mẫu:** Nguyễn Thuý Nga
- Thời gian thử nghiệm:** 09/12/2024 đến 23/12/2024
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
<b>I Mức độ giám sát A</b>								
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	< 5,0	< 5,0	< 5,0	Đạt
2	Mùi vị*	-	không có mùi, vị lạ	TCVN 9719:2013	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục*	NTU	2	Máy đo độ đục - Hach	0,17	0,22	0,24	Đạt
4	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	Máy đo clo dư - Hach	0,55	0,37	0,29	Đạt
5	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,91	7,93	7,99	Đạt
6	Asen**	mg/l	0,01	US EPA Method 6020A	KPH	KPH	KPH	Đạt
<b>II Mức độ giám sát B</b>								
7	Nitrit* (tính theo N)	mg/l	0,05	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
8	Nitrat* (tính theo N)	mg/l	2	TCVN 6180:1996	0,694	0,708	0,739	Đạt
9	Sulfat*	mg/l	250	TCVN 6200:1996	< 5,0	< 5,0	< 5,0	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
10	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	1,422	1,422	1,422	Đạt
11	Độ cứng*	mg/l	300	TCVN 6224:1996	98,0	98,0	98,0	Đạt
12	Cl <sup>-</sup> *	mg/l	250	TCVN 6194:1996	32,443	32,443	32,443	Đạt
13	Fe tổng*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	< 0,04	< 0,04	< 0,04	Đạt
14	Mn*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Amoni* (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N)	mg/l	0,3	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
16	Fluor* (F)	mg/l	1,5	SMEWW 4500F <sup>-</sup> .D.2017	0,225	0,225	0,230	Đạt
17	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S <sup>2-</sup> .F.2017	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
18	Tổng chất rắn hòa tan* (TDS)	mg/l	1000	TN/HD.PT/01	194,0	194,0	195,0	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 23 tháng 12 năm 2024

**QUẢN LÝ KỸ THUẬT**

**KT. GIÁM ĐỐC**


*Trần Thị Thắm*

**Trần Thị Thắm**



*Phạm Thị Hằng*  
**PHÓ GIÁM ĐỐC  
PHẠM THỊ HẰNG**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu " \* " là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
5. Dấu " \*\* " là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 028, do nhà thầu phụ thực hiện; Giới hạn phát hiện của Asen: 0,003 mg/L
6. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Fluorua: 0,04 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
7. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	<b>CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH &amp; VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH</b>	<b>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</b>
		<b>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</b>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Xuyên, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định	
Điện thoại: 02283.528.175		Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 09

- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Hải Toàn
- Địa chỉ:** Hải Toàn - Hải Hậu - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**
  - Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
  - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:  
Đỗ Văn Bối - Địa chỉ: Xóm 6, Hải An, Hải Hậu, Nam Định
  - Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:  
Nguyễn Ngọc Ngoan - Địa chỉ: Xóm 9, Hải An, Hải Hậu, Nam Định

*Trong đó: Các mẫu đựng trong chai thủy tinh trung tính 250 ml đã được hấp sấy, bảo quản mẫu ở 2° - 8°C*
- Ngày lấy mẫu:** 09/12/2024
- Người lấy/gửi mẫu:** Nguyễn Thuý Nga
- Thời gian thử nghiệm:** 09/12/2024 đến 11/12/2024
- Kết quả thử nghiệm:**




TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 3	TCVN 6187 - 1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187 - 1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mũ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt


KIỂM NGHIỆM VIÊN



Trần Thị Thắm

Nam Định, ngày 23 tháng 12 năm 2024  
KT. GIÁM ĐỐC  
  
PHÓ GIÁM ĐỐC  
**PHẠM THỊ HẰNG**

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Dấu \* là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	<b>CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH &amp; VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH</b>	<b>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</b> <b><u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u></b>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Xuyên, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 10

1. **Tên khách hàng:** Nhà máy nước Liên Bảo
2. **Địa chỉ:** Liên Bảo - Vụ Bản - Nam Định
3. **Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
4. **Mô tả mẫu:**



- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:  
Đỗ Văn Ngải - Địa chỉ: Bất Di 3, Quang Trung, Vụ Bản, Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:  
Triệu Văn Khang - Địa chỉ: Xóm Phố, Trung Thành, Vụ Bản, Nam Định

*Trong đó:*

+ Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 1 lít có nắp đậy kín, bảo quản 2<sup>0</sup> - 8<sup>0</sup> C (xét nghiệm lý hóa).

5. **Ngày lấy mẫu:** 11/12/2024
6. **Người lấy/gửi mẫu:** Trần Thị Thắm
7. **Thời gian thử nghiệm:** 11/12/2024 đến 23/12/2024
8. **Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
<b>I Mức độ giám sát A</b>								
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	Mùi vị*	-	Không có mùi, vị lạ	TCVN 9719:2013	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục*	NTU	2	Máy đo độ đục - Hach	0,48	0,50	0,56	Đạt
4	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	Máy đo clo dư - Hach	0,59	0,31	0,30	Đạt
5	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,44	7,47	7,54	Đạt
<b>II Mức độ giám sát B</b>								
6	Nitrit* (tính theo N)	mg/l	0,05	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
7	Nitrat* (tính theo N)	mg/l	2	TCVN 6180:1996	0,747	0,751	0,777	Đạt
8	Sulfat*	mg/l	250	TCVN 6200:1996	11,223	11,458	11,694	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
9	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	< 0,5	< 0,5	< 0,5	Đạt
10	Độ cứng*	mg/l	300	TCVN 6224:1996	96,0	96,0	96,0	Đạt
11	Cl <sup>-</sup> *	mg/l	250	TCVN 6194:1996	8,020	8,020	8,020	Đạt
12	Fe tổng*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
13	Mn*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
14	Amoni* (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N)	mg/l	0,3	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Fluor* (F)	mg/l	1,5	SMEWW 4500F <sup>-</sup> .D.2017	< 0,2	< 0,2	< 0,2	Đạt
16	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S <sup>2-</sup> .F.2017	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
17	Tổng chất rắn hòa tan* (TDS)	mg/l	1000	TN/HD.PT/01	82,7	83,1	83,5	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 23 tháng 12 năm 2024

**QUẢN LÝ KỸ THUẬT**

*Trần Thị Thắm*

**Trần Thị Thắm**

**KT. GIÁM ĐỐC**



*Phạm Thị Hằng*

**PHÓ GIÁM ĐỐC  
PHẠM THỊ HẰNG**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu \* là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
5. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
6. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	<b>CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH &amp; VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH</b>	<b>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</b>
		<b>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</b>
Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Xuyên, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định		
Điện thoại: 02283.528.175		Email: CTCPnuocsachntnamdinh@gmail.com

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 10

1. **Tên khách hàng:** Nhà máy nước Liên Bảo
2. **Địa chỉ:** Liên bảo - Vụ Bản - Nam Định
3. **Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
4. **Mô tả mẫu:**



- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:  
Đỗ Văn Ngại - Địa chỉ: Bất Di 3, Quang Trung, Vụ Bản, Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:  
Triệu Văn Khang - Địa chỉ: Xóm Phố, Trung Thành, Vụ Bản, Nam Định

*Trong đó: Các mẫu đựng trong chai thủy tinh trung tính 250 ml đã được hấp sấy, bảo quản mẫu ở 2° - 8°C.*

5. **Ngày lấy mẫu:** 11/12/2024
6. **Người lấy/gửi mẫu:** Trần Thị Thắm
7. **Thời gian thử nghiệm:** 11/12/2024 đến 13/12/2024
8. **Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 3	TCVN 6187 - 1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187 - 1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

*Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt*

**KIỂM NGHIỆM VIÊN**

*Trần Thị Thắm*

**Trần Thị Thắm**

Nam Định, ngày 23 tháng 12 năm 2024


**KT. GIÁM ĐỐC**



**PHÓ GIÁM ĐỐC  
PHẠM THỊ HẰNG**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. Dấu \* là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
4. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.



	<b>CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH &amp; VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH</b>	<b>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</b>
		<b>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</b>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Xuyên, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định	
Điện thoại: 02283.528.175		Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 11

1. **Tên khách hàng:** Nhà máy nước Mỹ Lộc
2. **Địa chỉ:** Mỹ Hà - Mỹ Lộc - Nam Định
3. **Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
4. **Mô tả mẫu:**



- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:  
Lê Trường Sơn - Địa chỉ: Thôn Khả Lược, xã Mỹ Lộc, TP Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:  
Đình Văn Tám - Địa chỉ: Tổ dân phố Lê Xá, phường Hưng Lộc, TP Nam Định

*Trong đó:*

+ Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 1 lít có nắp đậy kín, bảo quản 2<sup>o</sup> - 8<sup>o</sup>C (xét nghiệm lý hóa).

5. **Ngày lấy mẫu:** 10/12/2024
6. **Người lấy/gửi mẫu:** Nguyễn Thuý Nga
7. **Thời gian thử nghiệm:** 10/12/2024 đến 23/12/2024
8. **Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
<b>I Mức độ giám sát A</b>								
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	Mùi vị*	-	Không có mùi, vị lạ	TCVN 9719:2013	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục*	NTU	2	Máy đo độ đục - Hach	0,31	0,60	0,78	Đạt
4	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	Máy đo clo dư - Hach	0,67	0,49	0,32	Đạt
5	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,39	7,43	7,43	Đạt
<b>II Mức độ giám sát B</b>								
6	Nitrit* (tính theo N)	mg/l	0,05	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
7	Nitrat* (tính theo N)	mg/l	2	TCVN 6180:1996	0,708	0,737	0,747	Đạt
8	Sulfat*	mg/l	250	TCVN 6200:1996	10,961	11,301	11,563	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
9	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	0,533	0,533	0,533	Đạt
10	Độ cứng*	mg/l	300	TCVN 6224:1996	92,0	92,0	93,0	Đạt
11	Cl <sup>-</sup> *	mg/l	250	TCVN 6194:1996	8,020	8,020	8,020	Đạt
12	Fe tổng*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
13	Mn*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
14	Amoni* (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N)	mg/l	0,3	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Fluor* (F)	mg/l	1,5	SMEWW 4500F <sup>-</sup> .D.2017	< 0,2	< 0,2	< 0,2	Đạt
16	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S <sup>2-</sup> .F.2017	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
17	Tổng chất rắn hòa tan* (TDS)	mg/l	1000	TN/HD.PT/01	82,1	82,6	82,9	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 23 tháng 12 năm 2024

**QUẢN LÝ KỸ THUẬT**

*Trần Thị Thắm*

**Trần Thị Thắm**

**KT. GIÁM ĐỐC**



*Phạm Thị Hằng*  
**PHÓ GIÁM ĐỐC  
PHẠM THỊ HẰNG**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu \* là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
5. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
6. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	<b>CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH &amp; VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH</b>	<b>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</b>
		<b>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</b>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Xuyên, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định	
Điện thoại: 02283.528.175		Email: CTCPnuocsachntnamdinh@gmail.com

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 11

- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Mỹ Lộc
- Địa chỉ:** Mỹ Hà - Mỹ Lộc - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**
  - Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
  - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:  
Lê Trường Sơn - Địa chỉ: Thôn Khả Lực, xã Mỹ Lộc, TP Nam Định
  - Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:  
Đình Văn Tám - Địa chỉ: Tổ dân phố Lê Xá, phường Hưng Lộc, TP Nam Định

*Trong đó: Các mẫu đựng trong chai thủy tinh trung tính 250 ml đã được hấp sấy, bảo quản mẫu ở 2° - 8°C.*
- Ngày lấy mẫu:** 10/12/2024
- Người lấy/gửi mẫu:** Nguyễn Thuý Nga
- Thời gian thử nghiệm:** 10/12/2024 đến 12/12/2024
- Kết quả thử nghiệm:**



TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 3	TCVN 6187 - 1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187 - 1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT. - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 23 tháng 12 năm 2024


**KIỂM NGHIỆM VIÊN**

**Trần Thị Thắm**

**K.T. GIÁM ĐỐC**

**PHÓ GIÁM ĐỐC  
PHẠM THỊ HẰNG**

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Dấu \* là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	<b>CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH &amp; VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH</b>	<b>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</b> <b>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</b>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Xuyên, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 12

1. Tên khách hàng: Nhà máy nước Yên Lộc
2. Địa chỉ: Yên Lộc - Ý Yên - Nam Định
3. Loại mẫu: Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
4. Mô tả mẫu:



- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:  
Nguyễn Văn Thạch - Địa chỉ: Xóm 1, Yên Đồng, Ý Yên, Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:  
Đỗ Văn Báu - Địa chỉ: Vĩnh Trị, Yên Trị, Ý Yên, Nam Định

Trong đó:

+ Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 1 lít có nắp đậy kín, bảo quản 2<sup>o</sup> - 8<sup>o</sup>C (xét nghiệm lý hóa).

5. Ngày lấy mẫu: 09/12/2024
6. Người lấy/gửi mẫu: Vũ Thị Thu Trang
7. Thời gian thử nghiệm: 09/12/2024 đến 23/12/2024

**8. Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
<b>I Mức độ giám sát A</b>								
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	Mùi vị*	-	không có mùi, vị lạ	TCVN 9719:2013	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục*	NTU	2	Máy đo độ đục - Hach	0,28	0,30	0,52	Đạt
4	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	Máy đo clo dư - Hach	0,70	0,48	0,45	Đạt
5	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,88	7,89	7,94	Đạt
<b>II Mức độ giám sát B</b>								
6	Nitrit* (tính theo N)	mg/l	0,05	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
7	Nitrat* (tính theo N)	mg/l	2	TCVN 6180:1996	0,737	0,751	0,767	Đạt
8	Sulfat*	mg/l	250	TCVN 6200:1996	11,040	11,275	11,746	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
9	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	0,711	0,711	0,711	Đạt
10	Độ cứng*	mg/l	300	TCVN 6224:1996	94,0	95,0	95,0	Đạt
11	Cl <sup>-</sup> *	mg/l	250	TCVN 6194:1996	8,384	8,384	8,384	Đạt
12	Fe tổng*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
13	Mn*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
14	Amoni* (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N)	mg/l	0,3	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Fluor* (F)	mg/l	1,5	SMEWW 4500F <sup>-</sup> .D.2017	< 0,2	< 0,2	< 0,2	Đạt
16	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S <sup>2-</sup> .F.2017	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
17	Tổng chất rắn hòa tan* (TDS)	mg/l	1000	TN/HD.PT/01	85,2	86,1	86,3	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 23 tháng 12 năm 2024

**QUẢN LÝ KỸ THUẬT**

*Trần Thị Thắm*


**Trần Thị Thắm**

**KT. GIÁM ĐỐC**



*Phạm Thị Hằng*  
**PHÓ GIÁM ĐỐC  
PHẠM THỊ HẰNG**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu \* là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
5. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
6. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	<b>CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH &amp; VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH</b>	<b>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</b>
		<b>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</b>
Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Xuyên, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định		
Điện thoại: 02283.528.175		Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 12

- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Yên Lộc
- Địa chỉ:** Yên Lộc - Ý Yên - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**
  - Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
  - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng: Nguyễn Văn Thạch - Địa chỉ: Xóm 1, Yên Đồng, Ý Yên, Nam Định
  - Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng: Đỗ Văn Báu - Địa chỉ: Vĩnh Trị, Yên Trị, Ý Yên, Nam Định
- Ngày lấy mẫu:** 09/12/2024
- Người lấy/gửi mẫu:** Vũ Thị Thu Trang
- Thời gian thử nghiệm:** 09/12/2024 đến 11/12/2024
- Kết quả thử nghiệm:**



Trong đó: Các mẫu đựng trong chai thủy tinh trung tính 250 ml đã được hấp sấy, bảo quản mẫu ở 2° - 8°C.

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 3	TCVN 6187 - 1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187 - 1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

**KIỂM NGHIỆM VIÊN**



**Trần Thị Thắm**


Nam Định, ngày 23 tháng 12 năm 2024



**KT. GIÁM ĐỐC**

**PHÓ GIÁM ĐỐC  
PHẠM THỊ HẰNG**

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Dấu \* là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	<b>CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH &amp; VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH</b>	<b>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</b> <b>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</b>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Xuyên, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 13

- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Yên Quang
- Địa chỉ:** Yên Quang - Ý Yên - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**



- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:  
Nguyễn Văn Hiếu - Địa chỉ: Thôn An Châu, Yên Khang, Ý Yên, Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:  
Nguyễn Thị Mận - Địa chỉ: Thôn An Châu, Yên Khang, Ý Yên, Nam Định

Trong đó:

+ Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 1 lít có nắp đậy kín, bảo quản 2<sup>0</sup> - 8<sup>0</sup>C (xét nghiệm lý hóa).

- Ngày lấy mẫu:** 10/12/2024
- Người lấy/gửi mẫu:** Trần Thị Thắm
- Thời gian thử nghiệm:** 10/12/2024 đến 23/12/2024
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
<b>I Mức độ giám sát A</b>								
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	5,0	5,0	5,0	Đạt
2	Mùi vị*	-	không có mùi, vị lạ	TCVN 9719:2013	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục*	NTU	2	Máy đo độ đục - Hach	0,37	0,42	0,48	Đạt
4	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	Máy đo clo dư - Hach	0,40	0,31	0,20	Đạt
5	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,82	7,85	7,87	Đạt
<b>II Mức độ giám sát B</b>								
6	Nitrit* (tính theo N)	mg/l	0,05	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
7	Nitrat* (tính theo N)	mg/l	2	TCVN 6180:1996	0,834	0,839	0,862	Đạt
8	Sulfat*	mg/l	250	TCVN 6200:1996	28,116	28,195	28,221	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
9	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	1,778	1,778	1,778	Đạt
10	Độ cứng*	mg/l	300	TCVN 6224:1996	120,0	120,0	120,0	Đạt
11	Cl <sup>-</sup> *	mg/l	250	TCVN 6194:1996	28,798	28,798	28,798	Đạt
12	Fe tổng*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
13	Mn*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
14	Amoni* (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N)	mg/l	0,3	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Fluor* (F)	mg/l	1,5	SMEWW 4500F <sup>-</sup> .D.2017	0,397	0,436	0,449	Đạt
16	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S <sup>2-</sup> .F.2017	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
17	Tổng chất rắn hòa tan* (TDS)	mg/l	1000	TN/HD.PT/01	171,0	171,0	172,0	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 23 tháng 12 năm 2024

### QUẢN LÝ KỸ THUẬT

*Trần Thị Thắm*

**Trần Thị Thắm**

**KT. GIÁM ĐỐC**



*Phạm Thị Hằng*  
**PHÓ GIÁM ĐỐC  
PHẠM THỊ HẰNG**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu \* là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
5. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
6. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.



	<b>CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH &amp; VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH</b>	<b>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</b> <b>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</b>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Xuyên, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCpnuocsachntnamdinh@gmail.com

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 13



- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Yên Quang
- Địa chỉ:** Yên Quang - Ý Yên - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**

- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:  
Nguyễn Văn Hiếu - Địa chỉ: Thôn An Châu, Yên Khang, Ý Yên, Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:  
Nguyễn Thị Mận - Địa chỉ: Thôn An Châu, Yên Khang, Ý Yên, Nam Định

Trong đó: Các mẫu đựng trong chai thủy tinh trung tính 250 ml đã được hấp sấy, bảo quản mẫu ở 2° - 8°C.

- Ngày lấy mẫu:** 10/12/2024
- Người lấy/gửi mẫu:** Trần Thị Thắm
- Thời gian thử nghiệm:** 10/12/2024 đến 12/12/2024
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 3	TCVN 6187 - 1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187 - 1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 23 tháng 12 năm 2024

**KIỂM NGHIỆM VIÊN**




**Trần Thị Thắm**



**KT. GIÁM ĐỐC**

**PHÓ GIÁM ĐỐC  
PHẠM THỊ HẰNG**

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Dấu \* là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	<b>CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH &amp; VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH</b>	<b>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</b>
		<b>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</b>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Xuyên, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 14

1. **Tên khách hàng:** Nhà máy nước Đại Thắng
2. **Địa chỉ:** Đại Thắng - Vụ Bản - Nam Định
3. **Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
4. **Mô tả mẫu:**



- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:  
Phạm Thị Nga - Địa chỉ: Xóm Phong Vinh, Đại Thắng, Vụ Bản, Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:  
Phạm Gia Lễ - Địa chỉ: Xóm Phong Vinh, Đại Thắng, Vụ Bản, Nam Định

*Trong đó:*

+ Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 1 lít có nắp đậy kín, bảo quản 2<sup>0</sup> - 8<sup>0</sup>C (xét nghiệm lý hóa).

5. **Ngày lấy mẫu:** 09/12/2024
6. **Người lấy/gửi mẫu:** Vũ Thị Thu Trang
7. **Thời gian thử nghiệm:** 09/12/2024 đến 23/12/2024
8. **Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
<b>I Mức độ giám sát A</b>								
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	Mùi vị*	-	không có mùi, vị lạ	TCVN 9719:2013	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục*	NTU	2	Máy đo độ đục - Hach	0,67	0,70	0,78	Đạt
4	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	Máy đo clo dư - Hach	0,60	0,54	0,46	Đạt
5	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,45	7,48	7,49	Đạt
<b>II Mức độ giám sát B</b>								
6	Nitrit* (tính theo N)	mg/l	0,05	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
7	Nitrat* (tính theo N)	mg/l	2	TCVN 6180:1996	0,689	0,695	0,708	Đạt
8	Sulfat*	mg/l	250	TCVN 6200:1996	9,968	10,125	10,125	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
9	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	< 0,5	< 0,5	< 0,5	Đạt
10	Độ cứng*	mg/l	300	TCVN 6224:1996	88,0	88,0	88,0	Đạt
11	Cl <sup>-</sup> *	mg/l	250	TCVN 6194:1996	8,020	8,020	8,020	Đạt
12	Fe tổng*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
13	Mn*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
14	Amoni* (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N)	mg/l	0,3	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Fluor* (F)	mg/l	1,5	SMEWW 4500F <sup>-</sup> .D.2017	0,212	0,225	0,225	Đạt
16	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S <sup>2-</sup> .F.2017	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
17	Tổng chất rắn hòa tan* (TDS)	mg/l	1000	TN/HD.PT/01	82,6	82,8	83,2	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 23 tháng 12 năm 2024

**QUẢN LÝ KỸ THUẬT**

*Trần Thị Thắm*


**Trần Thị Thắm**

**KT. GIÁM ĐỐC**



*Phạm Thị Hằng*  
**PHÓ GIÁM ĐỐC  
PHẠM THỊ HẰNG**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu \* là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
5. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
6. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	<b>CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH &amp; VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH</b>	<b>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</b>
		<b>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</b>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, Phường Vị Xuyên, Tp.Nam Định, Tỉnh Nam Định	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 14



- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Đại Thắng
- Địa chỉ:** Đại Thắng - Vụ Bản - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**

- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:

Phạm Thị Nga - Địa chỉ: Xóm Phong Vinh, Đại Thắng, Vụ Bản, Nam Định

- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:

Phạm Gia Lễ - Địa chỉ: Xóm Phong Vinh, Đại Thắng, Vụ Bản, Nam Định

*Trong đó: Các mẫu đựng trong chai thủy tinh trung tính 250 ml đã được hấp sấy, bảo quản mẫu ở 2° - 8°C.*

- Ngày lấy mẫu:** 09/12/2024
- Người lấy/gửi mẫu:** Vũ Thị Thu Trang
- Thời gian thử nghiệm:** 09/12/2024 đến 11/12/2024

### 8. Kết quả thử nghiệm

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 3	TCVN 6187 - 1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187 - 1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

**KIỂM NGHIỆM VIÊN**

*Trần Thị Thắm*

**Trần Thị Thắm**

Nam Định, ngày 23 tháng 12 năm 2024

**KT. GIÁM ĐỐC**



**PHÓ GIÁM ĐỐC  
PHẠM THỊ HẰNG**

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Dấu \* là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.